

Số **60** /2013/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **8** tháng **02** năm **2013**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Kết luận số 65-KL/TU ngày 07/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2012/NQ-HĐND17 ngày 12/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVII, kỳ họp thứ 7 về việc quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét báo cáo thẩm định số 20/HCTĐ-SXD ngày 24/01/2013 của Sở Xây dựng, về đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch: Toàn tỉnh Bắc Ninh, diện tích: 822,710 km², gồm 08 đơn vị hành chính: Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện: Quế Võ, Yên Phong, Tiên Du, Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài.

2. Mục tiêu

- Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành vùng đô thị lớn, trong đó đô thị lõi Bắc Ninh chủ yếu được hình thành trên cơ sở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du giữ vai trò là “đầu tàu và hạt nhân” thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, làm tiền đề xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng tỉnh Bắc Ninh có cơ sở kinh tế vững chắc, có cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại, có môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển hài hòa giữa đô thị, nông thôn, con người và thiên nhiên; bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, từng bước xây dựng nền kiến trúc Bắc Ninh hiện đại, có bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống, mang đặc trưng văn hóa Kinh Bắc.

- Xác lập cơ sở để quản lý, thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển vùng theo quy hoạch, pháp luật, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Xây dựng và phát triển vùng gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

3. Tính chất

- Là một vùng thuộc vùng thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nằm trên hành lang Kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Là một trung tâm Kinh tế tổng hợp, trong đó công nghiệp và dịch vụ giữ vai trò chủ đạo; tập trung phát triển kinh tế tri thức: Giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, du lịch văn hoá và dịch vụ thương mại.

- Là một vùng đô thị phát triển bền vững theo định hướng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Có vị trí quan trọng về mặt an ninh, quốc phòng.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển Vùng đến năm 2030

a. Kinh tế

- Giữ mức tăng trưởng nhanh, ổn định bình quân hàng năm giai đoạn (2011 + 2030): khoảng 8 - 10%.

- Nâng chỉ số thu nhập bình quân trên đầu người hàng năm (GDP/năm) từ 1.800 USD/người (năm 2010), lên 6.500 USD/người (năm 2020) và lên (10.000 + 14.000) USD/người (năm 2030).

- Xây dựng cơ cấu kinh tế toàn tỉnh trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp; từng bước chuyển dịch theo hướng dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp sau năm 2030 của thế kỷ XXI.

b. Quy mô dân số

- Năm 2020: Dân số toàn tỉnh là 1.183.000 người.

- Năm 2030: Dân số toàn tỉnh là 1.443.000 người (chưa bao gồm dân số vắng lại và tạm trú toàn tỉnh, dự báo khoảng 200.000 người).

c. Cơ cấu sử dụng đất

- Đất phi nông nghiệp

+ Năm 2020: 38.271 ha bằng 46,5 % tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó đất xây dựng và phát triển đô thị bình quân 250 m²/người và đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn bình quân 108 m²/người.

+ Năm 2030: 44.271 ha bằng 53,8 % tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó đất xây dựng và phát triển đô thị bình quân 200 m²/người và đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn bình quân 108 m²/ người.

- Đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng

- + Năm 2020: 44.000 ha, bằng 53,50 % tổng diện tích đất tự nhiên.
- + Năm 2030: diện tích 38.000 ha, bằng 46,2 % tổng diện tích đất tự nhiên.

5. Tầm nhìn đến năm 2050

a. Trở thành một trong những trung tâm kinh tế quan trọng của Vùng Kinh tế Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội với trọng tâm là dịch vụ, trong đó du lịch, du lịch nghỉ dưỡng, văn hoá, y tế và thương mại chiếm tỷ trọng lớn, chất lượng cao.

b. Trở thành một đầu mối giao lưu, trung tâm du lịch văn hoá của vùng Thủ đô, vùng Kinh tế Bắc Bộ và cả nước, có ý nghĩa quốc tế.

c. Trở thành vùng đô thị lớn phát triển bền vững, định hướng là thành phố trực thuộc Trung ương, với các đặc trưng:

- Hiện đại, văn minh, văn hiến, hài hoà, bền vững;
- Có sức cạnh tranh cao, cơ sở kinh tế vững chắc, đảm bảo tốt an sinh và cuộc sống chất lượng cao;
- Là đô thị xanh, đô thị sinh thái phong phú;
- Nhất thể hoá đô thị và nông thôn, đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa các khu vực;
- An toàn, an tâm về thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

d. Là thành phố láng giềng gần của Thủ đô Hà Nội và các tỉnh: Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên, phát triển trên cơ sở phối hợp hỗ trợ và phân công lao động hợp lý trong vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Bắc Bộ trên nguyên tắc hợp tác cùng phát triển.

6. Định hướng phát triển không gian đến năm 2030

a. Tổ chức lãnh thổ: Hình thành 06 tiểu vùng, trong đó:

- Khu vực Bắc sông Đuống có 03 tiểu vùng là: Đô thị lõi Bắc Ninh (chủ yếu gồm thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, Tiên Du) với diện tích khoảng 25.940 ha, chức năng là trung tâm tổng hợp; huyện Yên Phong với diện tích 9.686,2 ha, chức năng là vùng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp và huyện Quế Võ với diện tích 13.464,8 ha, chức năng là vùng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp.

- Khu vực Nam sông Đuống có 03 tiểu vùng là: Huyện Thuận Thành với diện tích 11.791 ha, chức năng là vùng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp; huyện Gia Bình với diện tích 10.779,8 ha, chức năng là vùng Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ và huyện Lương Tài với diện tích 10.566,6 ha, chức năng là vùng Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ.

b. Hệ thống các cơ sở sản xuất

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

+ Chuyển đổi mục đích, điều chỉnh địa điểm, giảm diện tích đất xây dựng 06 trong số 15 khu công nghiệp tập trung, bao gồm: Thuận Thành III (Phân khu C), Nam Sơn - Hạp Lĩnh, Đại Kim, Từ Sơn, Hanaka, Khu công nghệ cao Sài Gòn Tell; giảm diện tích từ 6.847 ha, xuống còn 5.243,6 ha (giảm 23,4%).

+ Bổ sung mới 02 KCN tập trung tại khu vực xã Ngũ Thái, xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành và khu vực xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình với tổng diện tích 500,0 ha.

+ Điều chỉnh chức năng 17 trong số 32 cụm công nghiệp, bao gồm: Phú Lâm mở rộng, Khắc Niệm, Hạp Lĩnh, Hà Mãn - Trí Quả, Xuân Lâm, Thanh Khương (giai đoạn 1), Thanh Khương mở rộng, Võ Cường, Phong Khê 1, Phong Khê 2, Đình Bảng I (Lỗ Xung), Dốc Sặt, Mã Ông, Đồng Nguyên, Đồng Quang, Việt Hà, Làng nghề Từ Sơn (Công ty Hà Thành); diện tích giảm từ 1.578,58 ha xuống còn 807,04 ha (giảm 48,88 %).

- Tổng diện tích đất công nghiệp toàn tỉnh từ 8.425,58 ha điều chỉnh giảm xuống còn 6.550,64 ha (giảm 22,25 %), trong đó có 5.743,6 ha là đất các khu công nghiệp tập trung và 807,04 ha là đất các cụm công nghiệp.

- Nông nghiệp

+ Quy hoạch, bố trí sử dụng đất nông nghiệp gồm các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung ở khu vực Nam sông Đuống, đặc biệt là các huyện Gia Bình và Lương Tài; các vùng nông nghiệp ngoại thành, ngoại thị, gắn với quá trình đô thị hoá tại đô thị lõi Bắc Ninh, các huyện Quế Võ, huyện Yên Phong và huyện Thuận Thành, trên cơ sở bảo tồn quỹ đất trồng lúa hai vụ theo chỉ tiêu Chính phủ giao; điều chỉnh cơ cấu, chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp; bảo vệ các trọng điểm quốc phòng, an ninh và quỹ đất an ninh quốc phòng theo quy hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Tạo điều kiện phát triển và bảo tồn các làng nghề truyền thống phục vụ xuất khẩu và dịch vụ, trong đó có dịch vụ du lịch.

+ Đẩy mạnh quá trình tổ chức lại sản xuất trên cơ sở mô hình các Hợp tác xã và phục hợp nông nghiệp.

- Du lịch và dịch vụ

+ Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành một trung tâm du lịch - văn hóa và sinh thái, hấp dẫn, đa sắc màu của Đồng Bằng sông Hồng và cả nước, có ý nghĩa quốc tế, trên cơ sở hình thành khoảng 12 khu, cụm du lịch tập trung tại thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, các huyện: Thuận Thành, Gia Bình, Tiên Du, theo phương châm phát triển mạng lưới kết nối các đầu mối văn hóa - du lịch gồm: 12 trọng điểm và các tuyến du lịch đường bộ; hoàn thiện mạng lưới du lịch bằng đường thủy trên các sông, đặc biệt là sông Đuống; xây dựng 03 khu đô thị mới gắn với các khu vực xung quanh chùa Phật Tích (núi Phật Tích), chùa Dạm (núi Dạm), chùa Dầu với mục đích du lịch và thúc đẩy sự phát triển mạng lưới hành hương gắn với du lịch tâm linh trở về cội nguồn.

+ Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có sức thu hút dân cư lớn như: Giáo dục đào tạo; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; y tế và nghỉ dưỡng; du lịch văn hoá và thương mại.

c. Hệ thống đô thị

- **Mô hình phát triển:** Xây dựng hệ thống phân bố dân cư thống nhất trên cơ sở mô hình phát triển "Chùm đô thị hướng tâm, nhất thể hóa đô thị nông thôn".

gồm: 01 đô thị lõi Bắc Ninh, 03 đô thị vệ tinh (Chờ, Phố Mới và Hồ), cùng 02 vùng dân cư nông thôn là Gia Bình và Lương Tài, đảm bảo cho người dân sống ở các điểm dân cư nông thôn được hưởng dụng các tiện ích công cộng có chất lượng cuộc sống gần với đô thị.

- Hệ thống đô thị: Hệ thống đô thị đến năm 2030 gồm 09 đô thị là:

+ Đô thị lõi: Đô thị lõi Bắc Ninh theo phương án chọn được hình thành chủ yếu trên cơ sở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du là đô thị loại I, có diện tích khoảng 25.940 ha, dân số là 890.000 người (nội thị là 735.000 người, ngoại thị là 155.000 người).

+ Đô thị Phố Mới (Huyện Quế Võ) là đô thị loại IV, có diện tích 13.464,8 ha, dân số 153.000 người (nội thị là 40.000 người, ngoại thị là 113.000 người), là đô thị vệ tinh.

+ Đô thị Hồ (Huyện Thuận Thành) là đô thị loại IV, có diện tích 11.790 ha, dân số 154.000 người (nội thị là 40.000 người, ngoại thị là 114.000 người), là đô thị vệ tinh.

+ Đô thị Chờ (Huyện Yên Phong) là đô thị loại IV, có diện tích 9.680,2 ha, dân số 174.000 người (nội thị là 40.000 người, ngoại thị là 134.000 người), là đô thị vệ tinh.

- Đô thị Gia Bình (Huyện Gia Bình) là đô thị loại V, có diện tích 465 ha, dân số 20.000 người, là thị trấn huyện lỵ.

+ Đô thị Thửa (Huyện Lương Tài) là đô thị loại V, có diện tích 715 ha, dân số 20.000 người, là thị trấn huyện lỵ.

+ Đô thị mới Nhân Thắng (Huyện Gia Bình) là đô thị loại V, có diện tích 819 ha, dân số 10.000 người, là thị trấn trung tâm các xã và cụm xã.

+ Đô thị mới Cao Dực (Huyện Gia Bình) là đô thị loại V, có diện tích diện tích 1.140 ha, dân số 5.000 người, là thị trấn trung tâm các xã và cụm xã.

+ Đô thị mới Trung Khê (Huyện Lương Tài) là đô thị loại V, có diện tích 691 ha, dân số 10.660 người, là thị trấn trung tâm các xã và cụm xã.

Sau năm 2030, nâng cấp các đô thị Thửa và Gia Bình lên đô thị loại IV.

- **Xây dựng và phát triển các trọng điểm mới của đô thị; định hướng phát triển vành đai xanh “du lịch, văn hoá và sinh thái” sông Đuống**

+ Xây dựng khu đô thị mới Nam Sơn chủ yếu trên cơ sở một số xã của thành phố Bắc Ninh, huyện Tiên Du và Quế Võ với chức năng là khu trung tâm tổng hợp mới của đô thị Bắc Ninh, để phát triển: Giáo dục đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ (Khu Đại học lập trung số 2); dịch vụ, tài chính, thương mại, văn phòng và du lịch; nhà ở trên cơ sở tổ chức không gian kiến trúc - quy hoạch gắn với cây xanh mặt nước, trong đó có hồ nước lớn phía sông Đuống; kết hợp tổ chức không gian du lịch núi Nam Sơn nhằm kết nối trực tiếp với vành đai xanh sông Đuống.

+ Phát triển vành đai xanh “du lịch, văn hóa và sinh thái” sông Đuống, bao gồm khu vực ven sông Đuống, khoảng cách mỗi bên tính từ tim bờ đê (500-1000)

m; trong đó lấy sông Đuống làm trung tâm; cụm di tích Thuận Thành, Phật Tích và cụm di tích Gia Bình làm hạt nhân với chức năng là vành đai xanh, cân bằng sinh thái, điều hòa sự phát triển của Thành phố Bắc Ninh tương lai; vùng cảnh quan, hành lang trung chuyển, kết nối hai khu vực: Bắc sông Đuống và Nam sông Đuống; “xương sống” của bộ khung bảo vệ thiên nhiên của vùng đô thị Bắc Ninh; vùng bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử, làng cổ, làng nghề truyền thống; vùng du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng của Thành phố Bắc Ninh tương lai. Có ý nghĩa quốc gia trên cơ sở xây dựng vành đai xanh du lịch văn hoá, sinh thái theo hướng hiện đại, dân tộc nhằm bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, bản sắc văn hoá địa phương và tạo điều kiện tham gia của dân cư cộng đồng.

d. Hệ thống các điểm dân cư nông thôn

- Hệ thống các điểm dân cư nông thôn gồm 100 xã, giảm dần xuống khoảng 60 xã vào năm 2030, được phát triển theo chương trình Xây dựng nông thôn mới với 19 tiêu chí theo quy định của Chính phủ.

- Thúc đẩy quá trình đầu tư xây dựng theo hướng nhất thể hoá đô thị và nông thôn, từng bước xóa bỏ sự phát triển chênh lệch giữa các vùng, nâng cao điều kiện và chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Đảm bảo cơ cấu sử dụng đất hợp lý giữa đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp: Khoảng 53,5 % và 46,5 % tổng diện tích đất tự nhiên (năm 2020) - 46,2 % và 53,8 % tổng diện tích đất tự nhiên (năm 2030).

- Ưu tiên dành đủ quỹ đất cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là diện tích đất lúa 2 vụ khoảng 33.500 ha theo chỉ tiêu do Chính phủ giao, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cả nước được Quốc hội phê duyệt.

- Bảo tồn quỹ đất rừng, đất cảnh quan thiên nhiên ven sông, hồ và đất danh thắng, di tích văn hóa lịch sử; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất thuộc hành lang an toàn kỹ thuật, đất bảo vệ thiên nhiên và các loại đất thuộc vùng cấm xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Dành đủ đất có điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn; các khu và cụm công nghiệp; các khu và cụm du lịch; các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, và các loại đất phi nông nghiệp khác.

- Dành đủ quỹ đất cho quốc phòng, đặc biệt giữ các cao điểm “chốt” dành cho quốc phòng theo quy hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội đến năm 2030

a. Nhà ở

Xây dựng mới và cải tạo khoảng 49,6 triệu m² trong đó 37,50 triệu m² nhà ở tại các đô thị đạt chỉ tiêu bình quân 30 m²/người và 12,10 triệu m² nhà ở tại các điểm dân cư nông thôn, đạt tiêu chuẩn bình quân 22 m²/người; chú trọng phát triển nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp.

b. Phục vụ công cộng: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống trung tâm phục vụ tổng hợp theo 4 cấp:

- Cấp vùng: Đô thị Bắc Ninh;
- Cấp khu vực: Các thị xã vệ tinh: Phố Mới, Chờ, I lô;
- Cấp huyện: Các thị trấn Gia Bình và Thứa;
- Cấp cơ sở: Các thị trấn là trung tâm xã, cụm xã.

c. Các trung tâm chuyên ngành

- Xây dựng các trung tâm chuyên ngành đủ lớn có sức cạnh tranh cao, có bản kính phục vụ toàn vùng, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của Thủ đô Hà Nội bao gồm: Trung tâm chính trị - hành chính cấp tỉnh, các trung tâm giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; các trung tâm y tế, cơ sở chữa bệnh; các trung tâm dịch vụ thương mại; các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao; hệ thống công viên cây xanh, mặt nước, chủ yếu tại đô thị Bắc Ninh và các thị xã vệ tinh, góp phần tạo ra động lực phát triển vùng và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

- Hình thành và phát triển bộ khung thiên nhiên trên cơ sở gắn kết các đồi núi, hệ thống các sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Ngũ Huyện Khê và các sông khác.

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường đến năm 2030

a. Giao thông

- Đường bộ

+ Hình thành các trục chủ đạo gồm: Trục liên kết vùng: Vành đai 3, vành đai 4 Hà Nội, QL 1 mới và QL 18 mới là đường cao tốc và đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, đường sắt Yên Viên - Hạ Long; xây dựng các trục trên cao, nhằm tách các luồng giao thông ngoại tỉnh ra khỏi giao thông đô thị; trục liên kết đô thị: ĐT 295B, QL 18 cũ, QL 38 và các trục liên kết khu vực: ĐT 285, ĐT 282B, ĐT 287, ĐT 295C, ĐT 276, DT 281 hình thành vành đai khớp nối khu vực nội thành và ngoại thành.

+ Hình thành 7 "cửa ngõ" chính gồm: Bắc Ninh - Hà Nội: QL1; Bắc Ninh - Nội Bài: QL18; Bắc Ninh - Thái Nguyên: Vành đai 3; Bắc Ninh - Bắc Giang: QL1; Bắc Ninh - Hạ Long: QL18; Bắc Ninh - Hưng Yên: Vành đai 4; Bắc Ninh - Hải Dương: QL38;

- Đường sắt

+ Tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn: Đề nghị quy hoạch xây dựng tuyến đường sắt mới cách tuyến đường sắt hiện hữu khoảng 2 Km về phía Bắc thay thế đường sắt hiện hữu. Khi quy hoạch tuyến đường sắt mới được thực hiện hoàn thành, tại vị trí tuyến đường sắt hiện hữu sẽ xây dựng trục cây xanh cảnh quan Bắc Nam; xây dựng mới các ga ở gần trung tâm thương mại dịch vụ lớn tại các vị trí đảm bảo được quỹ đất đủ rộng. Phát triển hiệu quả không gian đô thị dọc đường sắt.

+ Tiếp tục xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Cái Lân dựa trên quy hoạch

đã được triển khai.

- Đường thủy

Nạo vét, khai thông dòng chảy và tăng cường khai thác các sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình. Xây dựng tuyến vận tải Bắc Ninh - Hải Phòng - Quảng Ninh - Hưng Yên và Thái Bình. Xây dựng hệ thống cảng vận tải hàng hóa, hành khách và phục vụ du lịch.

- Đường không

Sân bay Quốc tế Nội Bài cách thành phố Bắc Ninh khoảng 31 Km theo Quốc lộ 18.

- Giao thông công cộng

+ Cải tạo các tuyến xe buýt hiện có gồm: Bắc Ninh - Hồ - Gia Bình - Thửa, Bắc Ninh - Phố Mới và Bắc Ninh - Lim - Từ Sơn, Bắc Ninh - Chờ. Phát triển xe buýt, áp dụng BRT (xe buýt nhanh) cho các tuyến chủ đạo. Bắc Ninh - Nam Sơn - Hồ, Yên Phong - Từ Sơn - Nam Sơn. Về lâu dài, nghiên cứu đưa vào áp dụng đường sắt LRT (tàu điện nhẹ) dựa trên việc chuyển đổi mục đích sử dụng BRT.

+ Nghiên cứu quy hoạch và chuẩn bị đầu tư xây dựng hệ thống tàu điện ngầm dọc theo tuyến DT 295C và QL 38.

- Nghiên cứu quy hoạch và chuẩn bị đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt trên cao theo các trục liên kết khu vực.

b. Chuẩn bị kỹ thuật đất đai

- Cốt san nền: (4,0 - 6,0) m; chiều cao đê (7,8 - 12) m.

- Thoát nước mưa: Hình thành 12 lưu vực thoát nước với các trục thoát nước chính là sông Ngũ Huyện Khê, sông Táo Khê, kênh Trịnh Xá, sông Côi, sông Bùi. Các giải pháp: Kênh tiêu, hồ điều hòa, vùng xả lũ, các trạm bơm... và xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

c. Cấp nước

Tổng nhu cầu khoảng: 678.171 m³/ngày đêm, trong đó nhu cầu cấp nước cho đô thị là 605.871 m³/ngày đêm. Nguồn nước: Nước mặt (là chính) và nước ngầm. Cải tạo và xây dựng hệ thống các nhà máy nước.

d. Cấp điện

Tổng nhu cầu khoảng: 2.145,0 MVA. Nguồn cấp: 02 tuyến 220 KV và 04 tuyến 110 KV. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các công trình phân phối, cấp điện.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải

Tổng lượng nước thải khoảng: 613.866 m³/ngày đêm. Giải pháp: Xây dựng các nhà máy xử lý cho các khu dân cư, xây dựng hệ thống thoát nước thải bản riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Tại các khu công nghiệp và các bệnh viện, xây dựng hệ thống thu gom xử lý riêng.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn

Tổng lượng chất rắn phát sinh khoảng: 1.606 tấn/ngày; thu gom đạt trên 95%. Xây dựng các khu xử lý khoảng 120 ha, gồm khu xử lý tại xã Phú Lăng, huyện Quế Võ và khu xử lý phía Nam sông Đuống (tại xã Bình Định huyện Lương Tài).

- Nghĩa trang

Nhu cầu đất xây dựng nghĩa trang khoảng 200 ha. Xây dựng 08 nghĩa trang trung bình, nhỏ theo mô hình công viên nghĩa trang gắn với từng huyện, thành phố, thị xã.

f. Bảo vệ môi trường

- Điều tra khảo sát và đánh giá hiện trạng môi trường, có biện pháp xử lý tốt hiện trạng ô nhiễm môi trường.

- Đánh giá môi trường chiến lược, dự báo diễn biến và tác động của môi trường trên phạm vi toàn vùng.

- Hình thành các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ các thành phần của môi trường bằng các giải pháp công nghệ, thanh tra giám sát, xử lý các vi phạm và vận động tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Có giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch.

- Xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường đảm bảo an toàn nguồn cấp nước sinh hoạt, tiêu, bảo vệ môi trường đất, không khí, quỹ rừng, các hệ sinh thái đặc trưng.

- Tăng cường hoạt động giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm môi trường; tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; sử dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thích hợp bảo vệ môi trường.

10. Các biện pháp thực hiện quy hoạch vùng

a. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình trọng điểm gồm:

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020;

- Chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Chương trình bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

b. Các giải pháp thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng vùng

- Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, trước mắt ưu tiên lập Quy hoạch chung đô thị lõi Bắc Ninh;

- Xây dựng các chương trình đầu tư xây dựng và phát triển vùng theo kế hoạch;

- Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, làm tốt công tác tái định cư phục vụ cho thu hút đầu tư, phát triển các dự án đầu tư xây dựng;

- Tăng cường công tác vận động xúc tiến đầu tư và thu hút các nguồn vốn;

- Xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ, coi trọng việc phát triển kết

cầu hạ tầng diện rộng gắn kết với Thủ đô, Vùng thủ đô và cả nước;

- Xây dựng lộ trình tái cấu trúc lãnh thổ, tăng cường sức cạnh tranh của đô thị hạt nhân, các đô thị vệ tinh và các vùng dân cư nông thôn;

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch và xây dựng vùng;

- Coi trọng công tác tư tưởng, chính trị, phát huy dân chủ trong cộng đồng và vai trò tham dự của cộng đồng dân cư;

- Tăng cường phát triển các mối quan hệ liên vùng, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, đặc biệt với thủ đô Hà Nội, vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, nhằm huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển vùng;

- Xây dựng cơ chế phát triển đặc thù cho đô thị lõi Bắc Ninh.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Xây dựng: Tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh; lập Quy hoạch chung đô thị lõi Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung các đô thị; rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xã nông thôn mới và triển khai lập chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020;

2. Giao:

- Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan, căn cứ vào đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh được duyệt, tổ chức lập Đề án điều chỉnh các khu công nghiệp lập trung trình cấp thẩm quyền quyết định;

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan, căn cứ vào đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh được duyệt, tổ chức lập Đề án điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp trình cấp thẩm quyền quyết định.

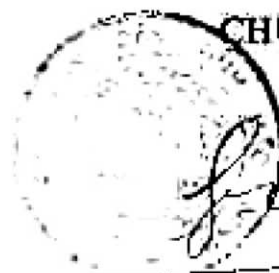
Điều 3: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT UBND (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PVP, KTTT, XDQB;
- Lưu: HCTC, VX, KTTT, NNIN, XDQB

TM. UBND TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Nhân Chiến